



HỎI ĐÁP NGHĨA VỤ THUẾ TNCN THEO NGHỊ ĐỊNH 253 VÀ THÔNG TƯ 87

TÁC GIẢ



Nguyễn Thị Hòa
Luật sư điều hành



Võ Thị Ánh Nhi
Chuyên viên pháp lý

Hỏi: Điều kiện để thu nhập từ tiền lương được áp dụng quy định mới?

Trả lời:

Để thu nhập từ tiền lương, tiền công được áp dụng các quy định mới theo Nghị định 253/2026/NĐ-CP và Thông tư 87/2026/TT-BTC, khoản thu nhập này cần đáp ứng điều kiện là của cá nhân cư trú.

Cụ thể, việc áp dụng quy định mới được thực hiện theo cơ chế như sau:

- Thời điểm áp dụng hồi tố: Mặc dù Nghị định 253 và Thông tư 87 chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2026, nhưng các quy định liên quan đến thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú sẽ được áp dụng ngay cho toàn bộ kỳ tính thuế năm 2026;
- Xử lý chuyển tiếp hồ sơ: Đối với các trường hợp người nộp thuế đã kê khai, nộp thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công cho kỳ tính thuế năm 2026 (trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2026 đến trước ngày quy định mới có hiệu lực) theo các văn bản luật cũ, pháp luật quy định không phải nộp lại hồ sơ khai thuế theo tháng, quý. Thay vào đó, người nộp thuế chỉ cần thực hiện điều chỉnh trực tiếp vào hồ sơ khai quyết toán thuế của năm 2026.

Hỏi: Mức thu nhập không tính thuế đối với tiền ăn trưa là bao nhiêu?

Trả lời:

Mức thu nhập không tính thuế đối với tiền ăn trưa (hoặc ăn giữa ca) được quy định cụ thể dựa trên hình thức mà người sử dụng lao động cung cấp cho người lao động:



HỎI ĐÁP NGHĨA VỤ THUẾ TNCN THEO NGHỊ ĐỊNH 253 VÀ THÔNG TƯ 87

Hỏi: Mức thu nhập không tính thuế đối với tiền ăn trưa là bao nhiêu?

Trường hợp chi trả trực tiếp bằng tiền: Khoản tiền ăn trưa, ăn giữa ca không bị tính vào thu nhập chịu thuế là mức không vượt quá 1,2 triệu đồng/người/tháng.

Nếu doanh nghiệp chi vượt mức 1,2 triệu đồng này, thì chỉ có phần vượt quá mới bị tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của người lao động.

Trường hợp trực tiếp tổ chức bữa ăn (không chi bằng tiền): Nếu người sử dụng lao động tổ chức bữa ăn trưa, ăn giữa ca dưới các hình thức như trực tiếp nấu ăn, mua suất ăn, hoặc cấp phiếu ăn cho người lao động thì toàn bộ giá trị bữa ăn này sẽ không tính vào thu nhập chịu thuế (không áp dụng mức giới hạn 1,2 triệu đồng).

Hỏi: Thu nhập từ tiền lương nào không tính vào thu nhập chịu thuế?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định 253/2026/NĐ-CP, có rất nhiều khoản thu nhập nhận được từ người sử dụng lao động không bị tính vào thu nhập chịu thuế Thu nhập cá nhân (TNCN). Các khoản này được phân chia thành các nhóm chính như sau:

- Nhóm các khoản phụ cấp, trợ cấp Các khoản phụ cấp, trợ cấp sau đây không tính vào thu nhập chịu thuế;
- Phụ cấp, trợ cấp ưu đãi người có công; trợ cấp quốc phòng, an ninh, lực lượng vũ trang;
- Phụ cấp độc hại, nguy hiểm; phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực; phụ cấp đặc thù ngành, nghề;
- Phụ cấp sinh hoạt phí cho thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài;
- Trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; trợ cấp thai sản, hưu trí một lần, tử tuất, thôi việc, mất việc làm, thất nghiệp;
- Trợ cấp chuyển vùng một lần đối với người nước ngoài đến cư trú tại Việt Nam, hoặc người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài;
- Phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản và phụ cấp phục vụ lãnh đạo cấp cao;
- Nhóm các khoản phúc lợi, hỗ trợ cho người lao động Đây là các khoản lợi ích không bằng tiền hoặc bằng tiền mà người lao động nhận được nhưng được miễn tính thuế (nếu nằm trong định mức): Tiền ăn giữa ca, ăn trưa: Không tính thuế nếu doanh nghiệp tự tổ chức nấu ăn, cấp phiếu ăn, mua suất ăn. Nếu chi bằng tiền, mức không tính thuế tối đa là 1,2 triệu đồng/người/tháng (phần vượt mức này mới bị tính thuế);
- Nhóm các khoản tiền thưởng và thu nhập khác Các khoản thu nhập không mang tính chất tiền lương, tiền công.



HỎI ĐÁP NGHĨA VỤ THUẾ TNCN THEO NGHỊ ĐỊNH 253 VÀ THÔNG TƯ 87

Hỏi: Các khoản lợi ích không bằng tiền hoặc bằng tiền mà người lao động nhận được nhưng được miễn tính thuế (nếu nằm trong định mức) bao gồm những khoản nào?

Trả lời:

- Tiền ăn giữa ca, ăn trưa: Không tính thuế nếu doanh nghiệp tự tổ chức nấu ăn, cấp phiếu ăn, mua suất ăn. Nếu chi bằng tiền, mức không tính thuế tối đa là 1,2 triệu đồng/người/tháng (phần vượt mức này mới bị tính thuế);
- Tiền nhà ở, điện, nước: Nhà do doanh nghiệp tự xây dựng để cung cấp cho người lao động không bị tính thuế. Trường hợp doanh nghiệp trả thay tiền thuê nhà cho nhân viên, phần tiền này không tính vào thu nhập chịu thuế nếu không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh tại đơn vị (chưa bao gồm tiền thuê nhà);
- Công tác phí, trang phục, điện thoại, văn phòng phẩm: Không tính thuế nếu chi phù hợp với mức khoán theo quy chế của tổ chức, doanh nghiệp;
- Hỗ trợ giáo dục và đi lại cho người nước ngoài/người làm việc ở nước ngoài: Tiền học phí cho con (từ mầm non đến trung học phổ thông) và tiền mua vé máy bay khứ hồi (mỗi năm một lần) cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, hoặc người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài;
- Bảo hiểm sức khỏe: Khoản tiền doanh nghiệp mua bảo hiểm không bắt buộc và không có tích lũy về phí bảo hiểm (ví dụ: bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tử kỳ) cho người lao động;
- Đào tạo và hiếu, hỉ: Khoản chi thay tiền đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề; và khoản tiền chi đám hiếu, hỉ (phù hợp với quy chế tài chính của doanh nghiệp);
- Hỗ trợ y tế: Khoản tiền hỗ trợ khám, chữa bệnh hiểm nghèo cho bản thân người lao động và nhân thân (cha, mẹ, vợ/chồng, con cái) dựa trên chứng từ chi trả thực tế.

Hỏi: Nhóm các khoản tiền thưởng và thu nhập khác Các khoản thu nhập không mang tính chất tiền lương, tiền công nào được loại trừ khỏi thu nhập chịu thuế?

Trả lời:

- Tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước; giải thưởng quốc gia, quốc tế; tiền thưởng cải tiến kỹ thuật, sáng chế, phát minh;
- Khoản tiền nhận được theo chế độ liên quan đến sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, tổ chức Đảng, đoàn thể;
- Khoản tiền nhận được theo chế độ nhà ở công vụ;
- Tiền và lợi ích nhận được từ nguồn tài chính công đoàn;
- Tiền chế độ dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe đặc thù đối với thành viên đội thể thao tham gia tập huấn, thi đấu.



HỎI ĐÁP NGHĨA VỤ THUẾ TNCN THEO NGHỊ ĐỊNH 253 VÀ THÔNG TƯ 87

Hỏi: Cách tính thuế TNCN cho tài sản số theo quy định mới?

Trả lời:

Theo quy định mới nhất tại Nghị định 253/2026/NĐ-CP, thu nhập từ chuyển nhượng tài sản số (bao gồm tài sản ảo, tài sản mã hóa và các tài sản số khác) chính thức được đưa vào diện chịu thuế và được phân loại vào nhóm "Thu nhập khác".

Cách tính thuế Thu nhập cá nhân (TNCN) đối với tài sản số được quy định áp dụng theo tỷ lệ phần trăm trên giá chuyển nhượng (khá tương đồng với cách tính thuế chuyển nhượng chứng khoán), cụ thể như sau:

Công thức tính thuế: Đối với cá nhân cư trú có phát sinh thu nhập từ việc chuyển nhượng tài sản số, số thuế phải nộp được xác định bằng công thức: Thuế TNCN = Giá chuyển nhượng x Thuế suất 0,1%.

Như vậy, thuế sẽ được đánh trực tiếp 0,1% trên tổng giá trị giao dịch chuyển nhượng bán ra của tài sản ảo/tài sản mã hóa, mà không phân biệt giao dịch đó mang lại lợi nhuận hay bị lỗ.

Hỏi: Thời điểm xác định thu nhập tính thuế Thời điểm để chốt tính thuế đối với giao dịch chuyển nhượng tài sản số là thời điểm nào?

Trả lời:

- Thời điểm tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập cho người nộp thuế;
- Hoặc thời điểm người nộp thuế thực tế nhận được thu nhập từ giao dịch chuyển nhượng.

Hỏi: Các loại thu nhập khác chịu thuế theo Nghị định 253?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 16 Nghị định 253/2026/NĐ-CP, nhóm "thu nhập khác" phải chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm 4 loại cụ thể sau đây:

- Thu nhập từ chuyển nhượng tên miền quốc gia Việt Nam ".vn": Là khoản tiền cá nhân nhận được từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền này cho các tổ chức hoặc cá nhân khác;
- Thu nhập từ chuyển nhượng kết quả giảm phát thải khí nhà kính và tín chỉ carbon: Áp dụng đối với cá nhân sở hữu các kết quả/tín chỉ này (tuy nhiên, khoản này không bao gồm trường hợp cá nhân chuyển nhượng lần đầu tiên vì trường hợp lần đầu đã được ưu đãi miễn thuế theo khoản 1 Điều 34);
- Thu nhập từ chuyển nhượng biển số xe trúng đấu giá: Phát sinh khi cá nhân thực hiện chuyển nhượng lại biển số xe mà mình đã trúng đấu giá theo quy định pháp luật;



HỎI ĐÁP NGHĨA VỤ THUẾ TNCN THEO NGHỊ ĐỊNH 253 VÀ THÔNG TƯ 87

- Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản số: Bao gồm thu nhập từ các giao dịch chuyển nhượng tài sản ảo, tài sản mã hóa và các tài sản số khác theo hệ thống pháp luật về công nghiệp công nghệ số.

Hỏi: các loại thu nhập nào được miễn thuế TNCN hoàn toàn?

Trả lời:

Theo quy định tại Chương III Nghị định 253/2026/NĐ-CP, có rất nhiều khoản thu nhập được miễn thuế Thu nhập cá nhân (TNCN). Để dễ theo dõi, các loại thu nhập được miễn thuế có thể được chia thành các nhóm chính sau đây:

1. Nhóm thu nhập từ Bất động sản

- Thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (kể cả nhà ở hình thành trong tương lai) giữa những người có quan hệ gia đình ruột thịt (vợ với chồng; cha/mẹ đẻ, cha/mẹ nuôi với con đẻ, con nuôi; cha/mẹ chồng, cha/mẹ vợ với con dâu, con rể; ông/bà nội, ngoại với cháu nội, ngoại; anh, chị, em ruột với nhau);
- Thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở duy nhất của cá nhân (phải đáp ứng điều kiện sở hữu từ 183 ngày trở lên và chuyển nhượng toàn bộ);
- Thu nhập từ giá trị quyền sử dụng đất được Nhà nước giao không phải trả tiền hoặc được giảm tiền sử dụng đất;
- Thu nhập từ việc chuyển đổi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao để hợp lý hóa sản xuất.

2. Nhóm thu nhập từ Nông - Lâm - Ngư nghiệp

- Thu nhập từ hoạt động trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản chưa qua chế biến hoặc chỉ qua sơ chế thông thường;
- Thu nhập từ lợi tức cổ phần của cá nhân là nông dân tham gia hợp tác xã trong dự án "Cánh đồng lớn";
- Thu nhập từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ trực tiếp phục vụ hoạt động khai thác thủy sản xa bờ;

3. Nhóm thu nhập từ Tài chính, Bảo hiểm và Bồi thường;

- Thu nhập từ lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, lãi trái phiếu Chính phủ và lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ;
- Thu nhập từ kiều hối (tiền nhận được từ nước ngoài do thân nhân, người Việt Nam đi lao động/học tập gửi về);
- Thu nhập từ bồi thường hợp đồng bảo hiểm (nhân thọ, phi nhân thọ, sức khỏe), bồi thường tai nạn lao động, bồi thường nhà nước và các khoản bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định của pháp luật;
- Thu nhập từ học bổng nhận được từ ngân sách nhà nước hoặc các tổ chức trong và ngoài nước;



HỎI ĐÁP NGHĨA VỤ THUẾ TNCN THEO NGHỊ ĐỊNH 253 VÀ THÔNG TƯ 87

- Thu nhập nhận được từ các quỹ từ thiện hoặc nguồn viện trợ nước ngoài vì mục đích từ thiện, nhân đạo không vì mục đích lợi nhuận.

4. Nhóm thu nhập từ Tiền lương đặc thù và Lương hưu

- Tiền lương hưu do Quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ hưu trí bổ sung hoặc quỹ hưu trí tự nguyện chi trả;
- Tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ hoặc tiền trả cho những ngày không nghỉ phép (được miễn thuế phần thu nhập nằm trong định mức theo quy định của pháp luật lao động);
- Tiền lương, tiền công của thuyền viên là người Việt Nam làm việc cho các hãng tàu nước ngoài hoặc hãng tàu Việt Nam vận tải quốc tế;
- Tiền lương, tiền công của các chuyên gia, cá nhân làm việc tại các chương trình, dự án ODA, cơ quan đại diện thuộc Hệ thống Liên hợp quốc hoặc các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

5. Nhóm thu nhập ưu đãi Đổi mới sáng tạo, Công nghệ và Môi trường (Điểm mới)

- Thu nhập từ chuyển nhượng lần đầu kết quả giảm phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon, trái phiếu xanh và lãi từ trái phiếu xanh;
- Thu nhập từ tiền lương, tiền công và quyền tác giả của cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Thu nhập của nhà đầu tư, chuyên gia, sáng lập viên từ dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp hoặc quỹ đầu tư mạo hiểm;
- Miễn thuế trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của nhân lực công nghệ số chất lượng cao, nhân lực công nghệ cao tham gia các dự án công nghệ trọng điểm;

6. Thu nhập của Chủ doanh nghiệp tư nhân

Thu nhập của cá nhân là chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sau khi doanh nghiệp này đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hỏi: Quy định về thời hạn nắm giữ chứng chỉ quỹ mở để được miễn thuế?

Trả lời:

Theo quy định tại Nghị định 253/2026/NĐ-CP, việc doanh nghiệp mua bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên mang lại một lợi ích thuế rất thiết thực: khoản tiền mua bảo hiểm này sẽ không bị tính vào thu nhập chịu thuế Thu nhập cá nhân (TNCN) của người lao động.

Tuy nhiên, để khoản tiền này được miễn tính thuế, gói bảo hiểm sức khỏe cần phải đáp ứng điều kiện cốt lõi sau:

- Đó phải là loại bảo hiểm không bắt buộc và không có tích lũy về phí bảo hiểm;



HỎI ĐÁP NGHĨA VỤ THUẾ TNCN THEO NGHỊ ĐỊNH 253 VÀ THÔNG TƯ 87

- Người tham gia bảo hiểm không nhận lại được tiền phí tích lũy từ việc tham gia bảo hiểm, mà chỉ nhận được tiền bảo hiểm hoặc bồi thường khi xảy ra sự kiện bảo hiểm theo đúng thỏa thuận của hợp đồng do công ty bảo hiểm chi trả;
- Bên cạnh đó, quy định miễn tính thuế này vẫn được áp dụng bình thường kể cả khi doanh nghiệp mua các gói bảo hiểm sức khỏe (không bắt buộc, không tích lũy) từ các doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài (không thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam) nhưng được cấp phép bán bảo hiểm hợp pháp tại Việt Nam.

Hỏi: Điều kiện miễn thuế cho sáng lập viên startup là gì?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 37 Nghị định 253/2026/NĐ-CP, để sáng lập viên của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startup) được miễn thuế Thu nhập cá nhân (TNCN), cần lưu ý các điều kiện trọng tâm sau:

- Về loại thu nhập được miễn thuế Sáng lập viên không được miễn thuế cho mọi loại thu nhập, mà chỉ được miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ đầu tư vốn nhận được từ dự án khởi nghiệp sáng tạo hoặc doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;
- Về căn cứ pháp lý để xác định Luật thuế không tự quy định tiêu chí cụ thể để đánh giá một doanh nghiệp có phải là startup hay không. Việc xác định dự án/doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, cũng như xác định cá nhân hoặc nhóm cá nhân là sáng lập viên phải được thực hiện theo quy định pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều này đồng nghĩa với việc cá nhân và doanh nghiệp phải có các giấy tờ, hồ sơ hoặc chứng nhận hợp lệ theo hệ thống pháp luật chuyên ngành của Bộ Khoa học và Công nghệ để làm căn cứ chứng minh trạng thái "khởi nghiệp sáng tạo", từ đó mới đủ điều kiện áp dụng chính sách miễn thuế này.

Hỏi: Cách tính thuế TNCN khi chuyển nhượng tên miền quốc gia .vn?

Trả lời:

Theo quy định tại Nghị định 253/2026/NĐ-CP, thu nhập nhận được từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam ".vn" được phân loại vào nhóm "Thu nhập khác"

Cách tính thuế: Thu nhập cá nhân (TNCN) đối với loại giao dịch này được quy định cụ thể như sau:

- Công thức tính thuế Thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng tên miền ".vn" được xác định theo công thức: Thuế TNCN = Thu nhập tính thuế x Thuế suất 5%;
- Quy định và mức thuế suất 5% này được áp dụng cho cả trường hợp người chuyển nhượng là cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú;



HỎI ĐÁP NGHĨA VỤ THUẾ TNCN THEO NGHỊ ĐỊNH 253 VÀ THÔNG TƯ 87

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế: Thời điểm chốt tính thuế đối với giao dịch chuyển nhượng tên miền quốc gia ".vn" là:

- Thời điểm tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập cho người nộp thuế;
- Hoặc thời điểm người nộp thuế (người bán) thực tế nhận được thu nhập.

Hỏi: Cá nhân không cư trú có phải nộp thuế tên miền .vn?

Trả lời:

Có, cá nhân không cư trú vẫn phải nộp thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đối với thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam ".vn".

Theo Điều 65 Nghị định 253/2026/NĐ-CP, việc xác định thuế TNCN đối với "thu nhập khác" (bao gồm giao dịch chuyển nhượng tên miền ".vn") của cá nhân không cư trú được áp dụng quy định hoàn toàn giống với cá nhân cư trú.

Cụ thể, căn cứ tính thuế được thực hiện theo Điều 62 của Nghị định này như sau:

Căn cứ tính thuế: Thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng tên miền ".vn" được xác định dựa trên phần thu nhập vượt trên 20 triệu đồng mà người nộp thuế nhận được theo từng lần chuyển nhượng.

(Lưu ý: Mức thuế suất cụ thể không được quy định trực tiếp tại văn bản này mà sẽ áp dụng theo Luật Thuế TNCN).

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế: Là thời điểm tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập cho người nộp thuế, hoặc thời điểm người nộp thuế thực tế nhận được thu nhập.

Hỏi: Xác định nơi ở thường xuyên cho người nước ngoài như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 4 Nghị định 253/2026/NĐ-CP, việc xác định nơi ở thường xuyên cho người nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện theo một trong hai trường hợp sau đây:

- Căn cứ vào nơi ở đăng ký thường trú/tạm trú Nơi ở thường xuyên của người nước ngoài là nơi ở thường trú được ghi trong Thẻ thường trú, hoặc nơi ở tạm trú đã khai báo khi đề nghị cấp Thẻ tạm trú do cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công an cấp;
- Căn cứ vào thời hạn thuê nhà để ở (từ 183 ngày trở lên) Trong trường hợp người nước ngoài chưa hoặc không có nơi đăng ký thường trú/tạm trú như trên, nhưng có nhà thuê để ở tại Việt Nam với tổng số ngày thuê theo các hợp đồng từ 183 ngày trở lên trong năm tính thuế, thì vẫn được xác định là có nơi ở thường xuyên.



HỎI ĐÁP NGHĨA VỤ THUẾ TNCN THEO NGHỊ ĐỊNH 253 VÀ THÔNG TƯ 87

Quy định về việc thuê nhà này được áp dụng rất rộng, cụ thể bao gồm:

- Được cộng dồn thời gian kể cả trường hợp cá nhân thuê nhà ở nhiều nơi khác nhau;
- "Nhà thuê để ở" không chỉ là căn hộ hay nhà mặt đất, mà bao gồm cả trường hợp ở khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ, ở tại nơi làm việc, hoặc ở trụ sở cơ quan;
- Không phân biệt là cá nhân tự bỏ tiền ra thuê hay do người sử dụng lao động (công ty) thuê và trả tiền cho người lao động.

Nếu người nước ngoài thỏa mãn một trong hai điều kiện về nơi ở thường xuyên như trên, họ sẽ được coi là cá nhân cư trú tại Việt Nam để áp dụng các chính sách thuế thu nhập cá nhân tương ứng.

Hỏi: Thế nào là thu nhập phát sinh tại Việt Nam?

Trả lời:

Dựa trên các quy định tại Nghị định 253/2026/NĐ-CP, pháp luật không có một định nghĩa đóng khung duy nhất cho cụm từ "thu nhập phát sinh tại Việt Nam", mà khái niệm này được xác định thông qua các nguyên tắc tính thuế sau đây:

Nguyên tắc cốt lõi: Không phân biệt nơi chi trả và nơi nhận tiền Thu nhập phát sinh tại Việt Nam (hay thu nhập phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam) được hiểu là các khoản thu nhập bắt nguồn từ các hoạt động, công việc, hoặc giao dịch diễn ra tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.

Điều này có nghĩa là, dù tổ chức chi trả thu nhập nằm ở nước ngoài hay cá nhân nhận tiền vào tài khoản ngân hàng ở nước ngoài, nhưng nếu nguồn gốc của khoản thu nhập đó (ví dụ: công việc được thực hiện tại Việt Nam, bất động sản nằm tại Việt Nam...) thì khoản tiền đó vẫn được coi là thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

Xác định đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công Thu nhập phát sinh tại Việt Nam đối với tiền lương, tiền công gắn liền chặt chẽ với nơi thực hiện công việc. Trong trường hợp người lao động (đặc biệt là cá nhân không cư trú) làm việc đồng thời ở cả Việt Nam và nước ngoài, phần thu nhập phát sinh tại Việt Nam sẽ được bóc tách và tính toán dựa trên.

Hỏi: Công thức tính thuế cho cá nhân không cư trú có làm việc tại Việt Nam.

Trả lời:

Công thức tính thuế Thu nhập cá nhân (TNCN) đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được quy định chi tiết tại Điều 64 Nghị định 253/2026/NĐ-CP như sau:

HỎI ĐÁP NGHĨA VỤ THUẾ TNCN THEO NGHỊ ĐỊNH 253 VÀ THÔNG TƯ 87

Công thức tính thuế cơ bản Thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng công thức: Thuế TNCN = Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công x Thuế suất 20%.

Trong đó, tổng thu nhập chịu thuế là toàn bộ số tiền lương, tiền công mà cá nhân đó nhận được do thực hiện công việc tại Việt Nam, hoàn toàn không phân biệt nơi tổ chức chi trả hay nơi cá nhân nhận thu nhập nằm ở đâu.

Công thức xác định thu nhập phát sinh tại Việt Nam (Trường hợp không tách riêng được) Nếu cá nhân không cư trú làm việc đồng thời ở cả Việt Nam và nước ngoài nhưng không bóc tách riêng được khoản nào là thu nhập phát sinh tại Việt Nam, thì cơ quan thuế sẽ áp dụng công thức phân bổ sau để tìm ra thu nhập tính thuế:

- Trường hợp cá nhân người nước ngoài KHÔNG hiện diện tại Việt Nam: Tổng thu nhập phát sinh tại VN = [(Số ngày làm việc cho công việc tại VN / Tổng số ngày làm việc trong năm) x Thu nhập từ tiền lương, tiền công toàn cầu (trước thuế)] + Thu nhập chịu thuế khác (trước thuế) phát sinh tại VN;
- Trường hợp cá nhân người nước ngoài CÓ hiện diện tại Việt Nam: Tổng thu nhập phát sinh tại VN = [(Số ngày có mặt ở VN / 365 ngày) x Thu nhập từ tiền lương, tiền công toàn cầu (trước thuế)] + Thu nhập chịu thuế khác (trước thuế) phát sinh tại VN.

Lưu ý: "Thu nhập chịu thuế khác" cộng thêm ở cuối công thức chính là các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền mà người sử dụng lao động trả hộ cho người lao động, khoản này được tính riêng chứ không phụ thuộc vào số ngày làm việc hay số ngày có mặt tại Việt Nam.

Hỏi: Hồ sơ chứng minh người phụ thuộc cần những gì?

Trả lời:

Theo quy định mới tại Điều 4 Thông tư 87/2026/TT-BTC, hồ sơ chứng minh người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh được phân loại chi tiết theo từng đối tượng, đặc biệt ưu tiên sử dụng bản chụp Thẻ Căn cước. Cụ thể như sau:

Đối với con cái:

- Con dưới 18 tuổi: Cần bản chụp Giấy khai sinh (hoặc quyết định/văn bản xác nhận mối quan hệ cha mẹ con) và bản chụp thẻ Căn cước của con trong trường hợp đã được cấp;
- Con nuôi, con riêng: Ngoài Giấy khai sinh và thẻ Căn cước, cần nộp thêm bản chụp Quyết định công nhận/Giấy chứng nhận nuôi con nuôi (đối với con nuôi), hoặc bản chụp Giấy chứng nhận kết hôn của người nộp thuế để chứng minh mối quan hệ với con riêng của vợ/chồng;



HỎI ĐÁP NGHĨA VỤ THUẾ TNCN THEO NGHỊ ĐỊNH 253 VÀ THÔNG TƯ 87

- Con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật/mất năng lực hành vi dân sự: Cần bản chụp Giấy khai sinh, bản chụp thẻ Căn cước và bản chụp Giấy xác nhận mức độ khuyết tật (hoặc hồ sơ bệnh án chứng minh không có khả năng lao động);
- Con đang học Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, học nghề, hoặc THPT: Cần bản chụp Giấy khai sinh, bản chụp thẻ Căn cước kèm theo bản chụp thẻ sinh viên hoặc bản khai có xác nhận của nhà trường để chứng minh đang theo học.

Đối với vợ hoặc chồng: Hồ sơ yêu cầu bản chụp thẻ Căn cước của người vợ/chồng và bản chụp Giấy chứng nhận kết hôn (hoặc trích lục kết hôn, giấy tờ chứng minh mối quan hệ vợ chồng do cơ quan có thẩm quyền cấp).

Đối với cha mẹ (cha/mẹ đẻ, cha/mẹ nuôi, cha/mẹ vợ hoặc chồng, cha dượng, mẹ kế): Hồ sơ yêu cầu bản chụp thẻ Căn cước của cha, mẹ và bản chụp Giấy khai sinh của người nộp thuế (hoặc của vợ/chồng người nộp thuế) hoặc bản chụp Quyết định công nhận nhận cha/mẹ/con để chứng minh mối quan hệ.

Đối với các cá nhân khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế phải trực tiếp nuôi dưỡng:

Hồ sơ yêu cầu:

- Bản chụp thẻ Căn cước;
- Bản kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng;
- Giấy tờ hợp pháp để chứng minh mối quan hệ (nếu có) và chứng minh người phụ thuộc không nơi nương tựa.

Lưu ý quan trọng về việc số hóa thủ tục (Điểm mới): Cơ quan thuế hiện nay được yêu cầu phải khai thác, sử dụng dữ liệu thông tin trong Cổng Dịch vụ công Quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để làm căn cứ xác định người phụ thuộc. Trường hợp cơ quan thuế có thể khai thác được các dữ liệu trực tuyến này thì không được yêu cầu người nộp thuế cung cấp các loại hồ sơ bản cứng nêu trên.

Hỏi: Mức giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc năm 2026?

Trả lời:

Dựa vào các văn bản pháp luật trong nguồn tài liệu được cung cấp, quy định về giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc năm 2026 được xác định như sau:

Về mức tiền giảm trừ: Cả Nghị định 253/2026/NĐ-CP và Thông tư 87/2026/TT-BTC đều không ấn định con số cụ thể về số tiền giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc, mà chỉ quy định mức này được thực hiện theo điểm b khoản 1 Điều 10 của Luật Thuế thu nhập cá nhân.



HỎI ĐÁP NGHĨA VỤ THUẾ TNCN THEO NGHỊ ĐỊNH 253 VÀ THÔNG TƯ 87

- (Lưu ý: Mức tiền cụ thể tính bằng VNĐ không được nêu trong các nguồn này, bạn có thể cần kiểm tra chéo ở Luật Thuế TNCN hiện hành để biết con số chính xác).
- Về điều kiện thu nhập của người phụ thuộc (Điểm thay đổi nổi bật): Các văn bản mới đã quy định rõ về mức giới hạn thu nhập để một cá nhân đủ điều kiện trở thành người phụ thuộc. Theo Điều 3 Thông tư 87/2026/TT-BTC, người phụ thuộc phải có mức thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn không vượt quá 03 triệu đồng.
- Về thời điểm áp dụng: Các quy định về giảm trừ đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công theo văn bản mới sẽ được áp dụng cho toàn bộ kỳ tính thuế năm 2026, dù văn bản đến tháng 7/2026 mới chính thức có hiệu lực.

Hỏi: Thu nhập bao nhiêu thì không phải nộp thuế TNCN?

Trả lời:

- Trong các nguồn tài liệu được cung cấp (Nghị định 253 và Thông tư 87), pháp luật không quy định cụ thể một con số về tổng thu nhập từ tiền lương, tiền công bao nhiêu thì hoàn toàn không phải nộp thuế, mà chỉ quy định mức giảm trừ gia cảnh để làm căn cứ tính thuế sẽ được áp dụng theo Điều 10 của Luật Thuế thu nhập cá nhân.
- Tuy nhiên, tài liệu có nêu rõ các ngưỡng thu nhập cụ thể không bị tính thuế hoặc không bị khấu trừ thuế áp dụng cho từng trường hợp như sau:
- Lao động không ký hợp đồng hoặc hợp đồng dưới 03 tháng: Nếu mức chi trả thu nhập dưới 05 triệu đồng/lần, tổ chức hoặc cá nhân chi trả sẽ không phải khấu trừ thuế 10%;
- Trường hợp thu nhập từ 05 triệu đồng/lần trở lên nhưng cá nhân ước tính tổng thu nhập chịu thuế của mình (sau khi trừ các khoản giảm trừ gia cảnh) chưa đến mức phải nộp thuế, thì cá nhân có thể làm bản cam kết gửi nơi trả thu nhập để không bị khấu trừ thuế;
- Thu nhập từ trúng thưởng, bản quyền, nhận thừa kế, quà tặng: Thuế TNCN chỉ được tính trên phần giá trị thu nhập vượt trên 20 triệu đồng cho từng lần phát sinh. Điều này có nghĩa là nếu khoản tiền trúng thưởng, tiền bản quyền hay giá trị tài sản thừa kế/quà tặng của bạn từ mức 20 triệu đồng trở xuống trong mỗi lần nhận, bạn sẽ không phải nộp thuế.
- Lưu ý (Thông tin ngoài nguồn tài liệu): Để trả lời sát nhất với thực tế cho thu nhập từ tiền lương, tiền công, theo quy định hiện hành của Luật Thuế TNCN (không nằm trong các tài liệu đã cung cấp), ngưỡng thu nhập phải nộp thuế phụ thuộc vào mức giảm trừ gia cảnh. Hiện tại, mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng và mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng. Vì vậy, nếu bạn không có người phụ thuộc, thu nhập từ 11 triệu đồng/tháng trở xuống sẽ không phải nộp thuế TNCN. Nếu có 1 người phụ thuộc, mức thu nhập không phải nộp thuế sẽ nâng lên là 15,4 triệu đồng/tháng. Bạn có thể đối chiếu thêm với Luật Thuế TNCN để tự xác minh thông tin này.



HỎI ĐÁP NGHĨA VỤ THUẾ TNCN THEO NGHỊ ĐỊNH 253 VÀ THÔNG TƯ 87

Hỏi: Cách thức xác định thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn.

Trả lời:

Thuế TNCN đối với chuyển nhượng phần vốn góp Đây là khoản thu nhập từ việc chuyển nhượng vốn trong các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp tác xã, hoặc các tổ chức kinh tế khác.

Công thức chung: Thuế TNCN = Thu nhập tính thuế x Thuế suất 20%.

Cách xác định thu nhập tính thuế: Thu nhập tính thuế được tính bằng Giá chuyển nhượng trừ (-) đi Giá mua và các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc tạo ra thu nhập (như chi phí pháp lý, phí làm thủ tục...).

Nghĩa là thuế chỉ đánh trên phần "lợi nhuận" thực tế bạn thu được.

Trường hợp ngoại lệ (khoản thuế): Nếu hợp đồng chuyển nhượng không ghi giá, giá ghi trên hợp đồng không phù hợp với giá thị trường, hoặc không xác định được giá mua và các chi phí liên quan, cơ quan thuế sẽ ấn định mức thuế dựa trên doanh thu. Khi đó, Thuế TNCN = Giá chuyển nhượng x Thuế suất 2%.

Thời điểm xác định thu nhập: Là thời điểm giao dịch hoàn thành theo quy định của pháp luật, hoặc thời điểm doanh nghiệp làm thủ tục thay đổi danh sách thành viên góp vốn.

Hỏi: Cách thức xác định Thuế TNCN đối với chuyển nhượng chứng khoán?

Trả lời:

Nhóm này áp dụng khi cá nhân chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ, và các loại chứng khoán khác (bao gồm cả chứng khoán phái sinh).

Công thức tính thuế: Thuế TNCN = Giá chuyển nhượng x Thuế suất 0,1%.

Đặc điểm lưu ý: Khác với vốn góp, thuế chuyển nhượng chứng khoán được đánh trực tiếp trên tổng giá bán (doanh thu) trong từng lần giao dịch, hoàn toàn không phân biệt giao dịch đó cá nhân đang bị lỗ hay có lãi.

Thời điểm xác định thu nhập:

- Với chứng khoán niêm yết: Là thời điểm khớp lệnh hoặc giá thỏa thuận trên Sở Giao dịch chứng khoán;
- Với chứng khoán chưa niêm yết: Là thời điểm lập báo cáo tài chính gần nhất trước khi chuyển nhượng, hoặc thời điểm chuyển quyền sở hữu.



HỎI ĐÁP NGHĨA VỤ THUẾ TNCN THEO NGHỊ ĐỊNH 253 VÀ THÔNG TƯ 87

Áp dụng cho cá nhân không cư trú Nếu người thực hiện chuyển nhượng vốn hoặc chuyển nhượng chứng khoán là cá nhân không cư trú (nhưng giao dịch phát sinh thu nhập tại Việt Nam), cơ quan thuế vẫn áp dụng các công thức và mức thuế suất hoàn toàn giống với cá nhân cư trú (20% trên lợi nhuận/ 2% trên doanh thu đối với vốn góp; và 0,1% trên doanh thu đối với chứng khoán).

Hỏi: Lưu ý về thuế khi bán toàn bộ doanh nghiệp tư nhân?

Trả lời:

Theo quy định tại Nghị định 253/2026/NĐ-CP, khi bán toàn bộ doanh nghiệp tư nhân, điểm mấu chốt mà bạn cần lưu ý là doanh nghiệp đó có gắn liền với tài sản là bất động sản hay không, bởi yếu tố này sẽ làm thay đổi hoàn toàn bản chất loại thu nhập và cách tính thuế. Cụ thể như sau:

Trường hợp bán doanh nghiệp có gắn với bất động sản (Lưu ý quan trọng nhất)

Phân loại thu nhập: Theo khoản 5 Điều 10, nếu bạn bán toàn bộ doanh nghiệp tư nhân (do một cá nhân làm chủ sở hữu) dưới hình thức chuyển nhượng vốn mà có gắn với bất động sản, thì giao dịch này sẽ không được xem là chuyển nhượng vốn thông thường, mà bị cơ quan thuế bóc tách và xác định là thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

Cách tính thuế: Khi bị chuyển sang nhóm thu nhập từ bất động sản, bạn sẽ không được tính thuế dựa trên phần lợi nhuận thu về, mà thuế Thu nhập cá nhân (TNCN) sẽ được tính bằng tổng giá chuyển nhượng nhân (x) với thuế suất 2%.

Trường hợp bán doanh nghiệp không gắn với bất động sản

Phân loại thu nhập: Nếu việc bán doanh nghiệp không bao gồm bất động sản, khoản thu nhập này sẽ được xếp vào nhóm "thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới các hình thức khác" (bao gồm trường hợp bán doanh nghiệp).

Cách tính thuế: Bạn sẽ áp dụng nguyên tắc tính thuế của chuyển nhượng phần vốn góp. Mức thuế suất là 20% tính trên thu nhập tính thuế (tức là phần lợi nhuận thực tế sau khi lấy giá chuyển nhượng trừ đi giá mua và các chi phí hợp lý tạo ra thu nhập).

Trường hợp ngoại lệ: Nếu không thể xác định được giá mua và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng, cơ quan thuế sẽ áp dụng mức thuế khoán là 2% trên tổng giá chuyển nhượng.

Hỏi: Xác định giá mua khi tính thuế chuyển nhượng vốn thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại các nguồn được cung cấp, giá mua của phần vốn chuyển nhượng được hiểu là trị giá của phần vốn góp tính đến thời điểm chuyển nhượng.



HỎI ĐÁP NGHĨA VỤ THUẾ TNCN THEO NGHỊ ĐỊNH 253 VÀ THÔNG TƯ 87

Giá trị này được xác định bằng tổng trị giá phần vốn góp ban đầu cộng với các lần góp vốn hoặc mua bổ sung.

Cụ thể, việc xác định giá mua được pháp luật hướng dẫn chi tiết theo hai trường hợp sau:

- Trường hợp là vốn do cá nhân tự góp: Giá mua chính là giá trị phần vốn góp đã được lũy kế cho đến thời điểm thực hiện chuyển nhượng. Để được công nhận, mức giá này phải được chứng minh thông qua cơ sở sổ sách kế toán, hóa đơn và các chứng từ hợp lệ;
- Trường hợp là phần vốn do cá nhân mua lại từ người khác: Giá mua sẽ là giá trị của phần vốn đó tại đúng thời điểm mua. Cơ quan thuế sẽ căn cứ vào hợp đồng mua lại phần vốn góp và các chứng từ thanh toán để xác định chính xác mức giá này.

Một điểm quan trọng cần lưu ý (như đã nhắc đến trong cách tính thuế chuyển nhượng vốn) là nếu không thể xác định được giá mua cũng như các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng, cơ quan thuế sẽ không cho phép bạn tính thuế dựa trên phần lợi nhuận thực tế (thuế suất 20%). Thay vào đó, thuế thu nhập cá nhân sẽ bị áp dụng mức thuế khoán, tính bằng tổng giá chuyển nhượng nhân (x) với thuế suất 2%.

Hỏi: Các loại chi phí hợp lý khi chuyển nhượng vốn?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 53 Nghị định 253/2026/NĐ-CP, chi phí hợp lý liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ chuyển nhượng vốn (được trừ khỏi giá chuyển nhượng để tính thuế) là các khoản chi phí thực tế phát sinh và bắt buộc phải có chứng từ, hóa đơn hợp pháp.

Cụ thể, các loại chi phí hợp lý này được quy định bao gồm:

- Chi phí làm các thủ tục pháp lý cần thiết phục vụ trực tiếp cho việc chuyển nhượng;
- Các khoản phí và lệ phí mà người chuyển nhượng đã nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện giao dịch;
- Các khoản chi phí khác có liên quan, miễn là có đầy đủ chứng từ chứng minh hợp lệ.

Lưu ý quan trọng đối với các chi phí phát sinh ở nước ngoài: Trong trường hợp chi phí chuyển nhượng của bạn phát sinh ở nước ngoài, pháp luật yêu cầu các chứng từ gốc đó phải được cơ quan công chứng hoặc kiểm toán độc lập của nước sở tại xác nhận chi tiết. Đồng thời, toàn bộ các chứng từ này bắt buộc phải được dịch ra tiếng Việt thì mới được cơ quan thuế công nhận là chi phí hợp lý khi tính thuế.



HỎI ĐÁP NGHĨA VỤ THUẾ TNCN THEO NGHỊ ĐỊNH 253 VÀ THÔNG TƯ 87

VỀ TÁC GIẢ & HỆ SINH THÁI

Bài viết được bảo trợ pháp lý bởi **CDLAF** và chuyên môn từ **CFT Solutions** – công ty chuyên cung cấp các dịch vụ Tài chính – Thuế – Kế toán. Chúng tôi mang đến giải pháp quản trị toàn diện, giúp doanh nghiệp kiểm soát rủi ro và tối ưu nguồn lực.

✉ Đặt lịch tư vấn ngay với đội ngũ Luật sư, Chuyên gia của **CDLAF & CFT** để nhận tư vấn sơ bộ và đánh giá mức độ tuân thủ cho doanh nghiệp của bạn:

- Hotline/Zalo: **+84 909 668 216**
- Email: **info@cdlaf.vn**



(+84) 906 216 309



info@cft.vn



www.cft.vn



R.701 TMS Building 172 Hai Ba Trung,
Tan Dinh Ward, HCMC